

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

**LÊ THỊ HỒNG NHUNG**

**GIẢI PHÁP HỖ TRỢ NHẪM TĂNG CƯỜNG  
KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NGUỒN VỐN SẢN XUẤT  
KINH DOANH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ  
VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển  
Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2012**

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Đào Hữu Hòa**

**Phản biện 1: PGS.TS Bùi Quang Bình**

**Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Trọng Hoài**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại **Đại học Đà Nẵng** vào ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Với số lượng chiếm trên 97% tổng số Doanh nghiệp, các DNNVV đóng góp đáng kể vào tổng thu nhập quốc dân, tạo công ăn việc làm, giải quyết các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, các DNNVV gặp phải không ít những khó khăn. Một trong những khó khăn lớn nhất là khả năng tiếp cận nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nằm trong quy luật chung, các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Định cũng gặp không ít trở ngại trong việc tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh mà các DN đang gặp phải.

Để góp phần hình thành luận cứ khoa học cho việc tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Định, được sự giúp đỡ của thầy giáo TS. Đào Hữu Hòa, tôi đã nghiên cứu đề tài *"Giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định"*. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc đánh giá khả năng tiếp cận vốn của DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Định từ đó đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc tìm kiếm nguồn vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh cho các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Định.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Tìm hiểu đặc điểm, vai trò của DNNVV trong nền kinh tế, tầm quan trọng của nguồn vốn đối với DNNVV. Sự cần thiết phải tăng cường khả năng tiếp cận vốn phát triển DNNVV. Trên cơ sở đó định hình được các giải pháp hỗ trợ khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho DNNVV ở Bình Định.

- Nêu lên thực trạng khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh của DNNVV Bình Định trong thời gian qua, chỉ ra được những điểm còn vướng mắc cần giải quyết trong thời gian tới.

- Đề xuất một số giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho DNNVV ở Bình Định để nâng cao năng lực phát triển cho các DNNVV và thích ứng với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là hệ thống các giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn sản xuất kinh doanh của DNNVV trong thời gian qua.

Luận văn giới hạn nghiên cứu là các DNNVV (căn cứ theo Luật Doanh nghiệp 2005 và Nghị định 56/2009/NĐ-CP) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Định, không đi sâu nghiên cứu ở một lĩnh vực hoạt động cụ thể nào.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê phân tích và tổng hợp... thu thập các số liệu quá khứ để phân tích sự vận động của hiện tượng nghiên cứu.

- Nguồn thông tin dữ liệu được lấy từ nhiều nguồn như từ các cuộc khảo sát về DNNVV, các báo cáo hàng năm về DNNVV, bài viết của các nhà nghiên cứu, thông tin trên web, dữ liệu trên Tổng cục Thống kê Việt Nam, Cục Thống kê Bình Định và trên Cục Phát triển Doanh nghiệp...

### **5. Bố cục của đề tài**

Báo cáo bao gồm 3 chương và phụ lục các mẫu biểu, số liệu kèm theo, và phụ lục tài liệu tham khảo.

Chương 1: Cơ sở lý luận về việc tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng khả năng tiếp cận các nguồn vốn sản xuất kinh doanh của DNNVV tại Bình Định.

Chương 3: Đề xuất các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định.

## **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

- Các nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu của tác giả Trần Thanh Toàn (2009) về *Các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bình Định trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV* là đề xuất khá toàn diện về các chính sách hỗ trợ DNNVV tại Bình Định có gắn liền với quá trình hội nhập WTO.

Nghiên cứu của tác giả Phan Thị Thanh Giang (2007) “Giải pháp nâng cao khả năng huy động nguồn vốn kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam” tập trung vào việc đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường khả năng huy động vốn cho các DNNVV ở Việt Nam.

- Các nghiên cứu nước ngoài

Nghiên cứu của Joshua Abor và Nicholas Biekpe (2002) tìm hiểu về cơ cấu nguồn vốn trong DNNVV ở Ghana; Timo P. Korkeamaki (2006) nghiên cứu về ảnh hưởng của lĩnh vực hoạt động và mối quan hệ với ngân hàng trong cấu trúc vốn của DNNVV tại Mỹ.

Nghiên cứu của Joshua Abor và Nicholas Biekpe (2002) đề xuất khi cho vay DNNVV. Nghiên cứu của Timo P. Korkeamaki (2006) cho thấy ngay cả tại Mỹ, các ngân hàng cũng đối mặt với tình

trạng thông tin không minh bạch trong DNNVV.

Nhìn chung các nghiên cứu nước ngoài đều cho rằng sự không minh bạch thông tin là vấn đề cản trở DNNVV tiếp cận vốn.

Trên cơ sở đúc kết những kinh nghiệm thực tiễn qua quá trình tiếp cận vốn sản xuất kinh doanh cho DNNVV, luận văn đã phân tích tổng hợp và làm nổi bật những mặt thiếu sót, hạn chế và đề xuất những giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV theo hướng gắn liền giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định phát triển xã hội.

## **CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VIỆC TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN CHO DNNVV**

### **1.1. DNNVV VÀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN KINH DOANH**

#### **1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của DNNVV**

\* Khái niệm:

DNNVV là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn và quy mô lao động.

\* Đặc điểm của DNNVV

- Linh hoạt, ứng biến nhanh nhạy với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường.

- Dễ khởi nghiệp, phát triển rộng khắp ở cả thành thị và nông thôn.

- Khai thác và huy động các nguồn lực và tiềm năng tại chỗ của các địa phương và các nguồn tài chính của dân cư trong vùng.

- Khả năng quản lý của chủ DN và trình độ tay nghề của người lao động thấp.

- Khả năng về công nghệ thấp do không đủ tài chính cho nghiên cứu triển khai

- Khả năng tiếp cận thị trường kém.

\* Vai trò của DNNVV trong nền kinh tế

- Tạo ra môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng một quốc gia.

- Là môi trường nuôi dưỡng những doanh nhân, những chủ doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong tương lai.

- Tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho đại bộ phận người dân.

- Đóng góp phần lớn vào ngân sách địa phương nơi DN hoạt

động sản xuất kinh doanh.

### **1.1.2. Khái quát về nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh DNNVV**

#### a. Đặc điểm về nguồn vốn

Vốn là tiền đề của hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ. Vốn được phân thành hai dạng chính: vốn lưu động và vốn cố định.

#### b. Tầm quan trọng của vốn đối với DNNVV

- Về mặt pháp lý: Vốn là điều kiện tiên quyết đảm bảo tư cách pháp nhân của DN trước pháp luật.

- Về mặt kinh tế:

+ Vốn là tiền đề để các doanh nghiệp có thể tiến hành được các hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Vốn tạo điều kiện để DN tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách liên tục và có hiệu quả.

+ Tiềm lực vốn mạnh sẽ giúp DN khẳng định chỗ đứng trên thị trường, tạo lợi thế trong cạnh tranh.

#### c. Các loại vốn huy động

- Vốn của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế.

- Kết nạp thêm thành viên mới.

- Huy động từ vốn tín dụng ngân hàng.

- Các quỹ phát triển, hỗ trợ khác.

- Nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước.

- Vốn chiếm dụng dưới dạng nợ phải trả.

#### d. Khả năng tiếp cận vốn của DNNVV

Theo TS Nguyễn Đình Cung - Phó viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương: trong số 58% số doanh nghiệp có vay vốn từ người khác, thì hơn 58% trong số họ có vay vốn từ ngân



hàng thương mại nhà nước, gần 30% có vay vốn từ ngân hàng thương mại cổ phần, gần 39% có vay vốn từ bạn bè, người thân và 5,5% có vay vốn từ các ngân hàng FDI.

Theo cuộc khảo sát mới đây VCCI tiến hành với 282 DN trên cả nước có tới 79,2% DN có vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng chỉ có 10,5% số DN vay được đúng nhu cầu của mình.

Như vậy, với những thông tin nêu trên thì khả năng tiếp cận vốn hiện nay của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp nhiều khó khăn, do đó để các doanh nghiệp này ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh doanh có hiệu quả thì rất cần thiết có những biện pháp hỗ trợ hơn nữa từ phía Nhà nước để giúp các DNNVV tăng cường khả năng tiếp cận vốn.

## **1.2. NỘI DUNG HỖ TRỢ DNNVV TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN CHO SẢN XUẤT KINH DOANH**

### **1.2.1. Hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận thông tin về các nguồn vốn**

Thông tin về vốn là điều kiện để các doanh nghiệp biết được chỗ nào, ở đâu mình có thể tiếp cận được. Doanh nghiệp cần có những điều kiện gì, hồ sơ thủ tục ra sao... Các biện pháp hỗ trợ khả năng tiếp cận các thông tin về vốn được xem như là bản đồ chỉ đường giúp DN xác định được nơi họ có thể nhận được sự hỗ trợ về vốn.

### **1.2.2. Hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng đáp ứng các thủ tục pháp lý để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn**

Rào cản lớn nhất để DN tiếp cận vốn là thủ tục hành chính nhiều khâu (70%), tiếp theo là tài sản đảm bảo (50%) và chứng minh khả năng trả nợ (50%).

Theo khảo sát của báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp ngày

16/09/2012: chỉ có 30,6% số DN được khảo sát cho biết là có tiếp cận được nguồn vốn vay, nhưng có tới 39,9% số DN đồng ý và 7,8% số DN hoàn toàn đồng ý là phải có chi phí “bồi dưỡng” cho cán bộ tín dụng thì mới tiếp cận được vốn. Về các khoản vốn vay từ các khoản hỗ trợ của nhà nước, có tới 63,1% số người được hỏi cho rằng thủ tục rất phức tạp, 68,6% cho là rất mất thời gian, 47,6% cho rằng cần có “bồi dưỡng” và 60,6% cho là phải có mối quan hệ với NH hoặc cán bộ tín dụng.

Hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng đáp ứng các thủ tục pháp lý là hình thức hỗ trợ rất cần thiết và hữu hiệu của Nhà nước dành cho các DNNVV.

### **1.2.3. Hỗ trợ để cải thiện năng lực tài chính giúp DN tiếp cận được các nguồn vốn**

Theo thời báo Ngân hàng thì số liệu trong báo cáo tài chính của DN (nhiều nhất là DNNVV) thường không trung thực và thiếu minh bạch. Độ tin cậy về năng lực tài chính, tính đúng đắn của các báo cáo tài chính chính là "thước đo" mang tính thủ tục giúp DN dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay từ NH và TCTD.

Như vậy, hỗ trợ để cải thiện năng lực tài chính là Chính quyền hỗ trợ các DN cải thiện năng về quy mô nguồn vốn bằng các hình thức như hỗ trợ thông qua ngân sách địa phương, đề ra các biện pháp để các DNNVV cung cấp các thông tin về năng lực tài chính chính xác, minh bạch bằng các chế tài.

### **1.2.4. Hỗ trợ nhằm thúc đẩy hình thành các quỹ đầu tư của hiệp hội**

Việt Nam hiện có khoảng 200 Hiệp hội doanh nghiệp, trong đó có một số Hiệp hội đang ngày càng phát huy hiệu quả. Việc ra đời các quỹ đầu tư của các hiệp hội có ý nghĩa rất lớn đối với DNNVV.

Với những nét tương đồng, các quỹ đầu tư Hiệp hội là kênh hỗ trợ gần gũi và đắc lực cho các DN trong việc giải quyết khó khăn vướng mắc về tiếp cận vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **1.3. KINH NGHIỆM THỰC HIỆN HỖ TRỢ DNNVV TIẾP CẬN NGUỒN VỐN Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

#### **1.3.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới**

- *Đối với Đài Loan*, ngay trong giai đoạn đầu phát triển kinh tế, Đài Loan đã áp dụng nhiều biện pháp, chính sách khuyến khích phát triển các DNNVV trong một số ngành sản xuất như: nhựa, dệt, xi măng, gỗ... Đài Loan đã dành nhiều nỗ lực trong việc xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ huy động vốn cho các DNNVV. Hiện nay, rất nhiều ngân hàng Nhà nước và tư nhân ở Đài Loan đứng ra tài trợ cho các DNNVV. Bộ Tài chính Đài Loan có quy định một tỷ lệ tài trợ nhất định cho các DNNVV và tỷ lệ này có xu hướng tăng dần sau mỗi năm. Đồng thời cũng lập ra 3 Quỹ là Quỹ phát triển, Quỹ Sino-US, Quỹ phát triển DNNVV nhằm tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV.

- *Ở nước Đức*, Chính phủ Đức đã áp dụng hàng loạt chính sách và chương trình thúc đẩy DNNVV trong việc huy động các nguồn vốn. Công cụ chính để thực hiện chính sách và chương trình hỗ trợ này là thông qua tín dụng ưu đãi, có sự bảo lãnh của Nhà nước. Ở Đức còn khá phổ biến các tổ chức bảo lãnh tín dụng. Những tổ chức này được thành lập và bắt đầu hoạt động từ những năm 1950 với sự hợp tác chặt chẽ của Phòng thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp, Ngân hàng và chính quyền Liên bang. Nguyên tắc hoạt động cơ bản là vì khách hàng, DNNVV nhận được khoản vay từ ngân hàng với sự bảo lãnh của một tổ chức bảo lãnh tín dụng. Nếu

doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, tổ chức này sẽ có trách nhiệm hoàn trả khoản vay đó cho ngân hàng. Ngoài ra, các khoản vay có thể được chính phủ tái bảo lãnh. Với các cơ chế và chính sách hỗ trợ như vậy, các DNNVV ở Đức đã khắc phục được khá nhiều khó khăn trong quá trình huy động vốn.

- *Tại Nhật Bản*, các chính sách về DNNVV được hình thành từ những năm 1950, trong đó dành sự hỗ trợ đặc biệt với việc hỗ trợ tài chính nhằm giúp các DNNVV tháo gỡ khó khăn, cản trở việc tăng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh như khả năng tiếp cận tín dụng thấp, thiếu sự đảm bảo về vốn vay... Các biện pháp hỗ trợ này được thực hiện thông qua hệ thống hỗ trợ tín dụng và các tổ chức tài chính công cộng phục vụ DNNVV như công ty tài chính DNNVV, công ty tài chính nhân dân và ngân hàng Shoko Chukin do Chính phủ đầu tư thành lập toàn bộ hoặc một phần nhằm tài trợ cho các DNNVV để đổi mới máy móc thiết bị, hỗ trợ vốn lưu động dài hạn để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

### **1.3.2. Kinh nghiệm một số tỉnh thành trong nước**

#### **1.3.3. Các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bình Định trong việc triển khai thực hiện**

- Thành lập quỹ đầu tư, các tổ chức tài chính chuyên hỗ trợ vốn cho các DNNVV.

- Đẩy mạnh việc thành lập các tổ chức, hiệp hội hỗ trợ DNNVV để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của loại hình doanh nghiệp này.

## **CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CÁC NGUỒN VỐN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC DNNVV TẠI BÌNH ĐỊNH**

### **2.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2006 - 2011**

#### **2.1.1. Sơ lược về điều kiện phát triển kinh tế tại Bình Định**

#### **2.1.2. Tình hình phát triển DNNVV**

- Tình hình phát triển về mặt số lượng

Đến cuối năm 2011, số lượng DN được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 3.824 DN, trong đó số thực tế đi vào sản xuất kinh doanh là 3.359 DN. Hơn 97,8% trong số DN này là DNNVV.

- Tình hình phát triển về mặt cơ cấu

Tính đến 31/12/2011, số lượng DNNN là 35 doanh nghiệp, chiếm 1,49% tổng số DN.

- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 0,65% tổng số DN, khu vực DN chiếm 97,8% tổng số DN và có tốc độ tăng trưởng bình quân 23,6%.

- Tổng nguồn vốn của DNNVV là 17.931 tỷ, chiếm 55% tổng nguồn vốn của DN.

*\* Những đóng góp của DNNVV đối với KT-XH của tỉnh*

- Doanh thu của DNNVV là 30.883 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách của DNNVV là 1.361 tỷ đồng.

- Tạo ra thêm là 19.459 việc làm, mức tăng trưởng 23,5% so với năm 2006.

- Góp phần tăng thu nhập cho và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho địa phương.

## 2.2. THỰC TRẠNG TIẾP CẬN CÁC NGUỒN VỐN KINH DOANH CỦA DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN BÌNH ĐỊNH TRONG THỜI GIAN QUA

### 2.2.1. Quy mô và cơ cấu nguồn vốn kinh doanh của DNNVV

Một DN thông thường có 3 nguồn vốn chính để hoạt động: vốn tự có, vốn vay và vốn chiếm dụng.

Khảo sát BCTC của 273 DN tại địa phương, gồm 250 DNNVV và 23 DN lớn: quy mô các loại vốn ngoài VCSH có xu hướng tăng lên theo quy mô DN.

**Bảng 2.8** - Cơ cấu nguồn vốn bình quân của DNNVV.

*ĐVT: tỷ*

DN theo tổng nguồn vốn	Số lượng	Tổng vốn	Vốn CSH	Nợ vay	Nợ chiếm dụng
DN < 10 tỷ	168	3.825	1.800	1.091	934
			47%	29%	24%
DN từ 10 - 50 tỷ	65	24.186	7.805	9.069	7.312
			32%	37%	30%
DN từ 50 - 100 tỷ	17	72.407	21.722	28.963	21.722
			30%	40%	30%

*(Nguồn: Số liệu tự khảo sát)*

### 2.2.2. Các phương thức tiếp cận vốn của DNNVV

\* Vốn chủ sở hữu

Khi bắt đầu khởi nghiệp, gần như tất cả các DNNVV đều sử dụng vốn tích lũy, vốn tự có.

\* Vốn chiếm dụng dưới dạng nợ phải trả

Đây là nguồn vốn có khả năng tiếp cận dễ dàng nhất đối với mọi DNNVV. Theo số liệu khảo sát Báo cáo tài chính của 273 DN

tại địa phương, bao gồm 250 DNNVV và 23 doanh nghiệp lớn cho thấy các DNNVV có quy mô vốn < 10 tỷ có tỉ lệ vốn chiếm dụng 24%, trong khi các doanh nghiệp quy mô > 10 tỷ, có tỉ lệ vốn chiếm dụng từ 29 - 30%.

*\* Vốn vay*

Tại một giai đoạn phát triển nhất định, nguồn vốn chủ sở hữu không còn đáp ứng đủ nhu cầu của DN, các khoản chiếm dụng cũng không thể tăng cao mãi. Do đó, hầu như các DNNVV sau khi đi vào hoạt động từ 6 tháng đến 1 năm đều tìm đến nguồn vốn vay: các TCTD hoặc các cá nhân trên thị trường không chính thức (tín dụng đen).

Để tiếp cận nguồn vốn này, các chủ doanh nghiệp phải chứng tỏ quy mô, hiệu quả hoạt động của mình, khả năng tạo ra lợi nhuận, khả năng trả nợ, ....

**2.2.3. Khả năng tiếp cận vốn của DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Định**

*\* Khả năng tiếp cận thông tin về nguồn vốn*

Việc thành lập Quỹ hỗ trợ DNNVV là một trong những giải pháp quan trọng nhằm triển khai Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011 - 2015. Đến thời điểm hiện tại, tỉnh Bình Định chưa có nguồn quỹ này, tuy nhiên, DNNVV có thể vay vốn với lãi suất ưu đãi theo nhiều nguồn vốn hỗ trợ khác nhau như :

- Cho vay theo chương trình tín dụng SMEDF-EU2 sử dụng nguồn vốn Quỹ phát triển DNNVV do Liên minh châu Âu tài trợ.

- Cho vay theo chương trình tín dụng JBIC do Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC).

- Dự án tài chính nông thôn I, II.

*\* Khả năng về tài sản thế chấp*

Luôn tiềm ẩn thông tin bất cân xứng trong giao dịch giữa người đi vay và người cho vay. Do đó, để kiểm soát và phòng ngừa rủi ro, cách dễ dàng và đảm bảo nhất là gia tăng tài sản thế chấp, đặc biệt là các tài sản có giá trị cao. Đây là biện pháp phổ biến mà mọi ngân hàng, mọi người cho vay đều thực hiện.

*\* Khả năng quản trị và kinh nghiệm hoạt động*

Do hầu hết các DNNVV đều sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng nên việc đáp ứng các yêu cầu của ngân hàng về khả năng quản trị và kinh nghiệm hoạt động rất quan trọng. Các thông tin càng đầy đủ, càng có chất lượng thì khả năng tiếp cận được vốn vay càng cao.

*\* Các mối quan hệ không chính thức*

Các mối quan hệ không chính thức mặc dù mang tính chất tiêu cực nhưng lại có tác động hiệu quả đến khả năng tiếp cận vốn của DNNVV. Một chủ DNNVV nếu có thể vận dụng được các mối quan hệ này thì doanh nghiệp đó có thể nhận được vốn vay nhanh hơn, thủ tục đơn giản hơn và số tiền vay nhiều hơn một doanh nghiệp quan hệ với ngân hàng theo cách truyền thống.

Nhìn chung, các giao dịch vay vốn kiểu tận dụng các mối quan hệ không chính thức thường có hại cho nền kinh tế, ngoài việc gia tăng lạm phát nói chung cho nền kinh tế. Các quan hệ này còn tạo ra sự tiếp cận không công bằng giữa một doanh nghiệp tốt nhưng chỉ quan hệ theo kiểu chính thống và một doanh nghiệp xấu nhưng có mối quan hệ ngoài luồng có tác động hiệu quả đến bên cho vay.

## **2.3. THỰC TRẠNG HỖ TRỢ DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH TIẾP CẬN VỐN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG THỜI GIAN QUA**

### **2.3.1. Hỗ trợ tiếp cận các thông tin về nguồn vốn**

*\* Thông tin về nguồn vốn được chiếm dụng hợp pháp*



Những nguồn vốn chiếm dụng hợp pháp là nguồn vốn được các chủ đầu tư ứng trước để thực hiện hợp đồng.

Theo số liệu do Sở Kế hoạch đầu tư Bình Định công bố: Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh năm 2011 ước đạt 13.850 tỷ đồng, tăng gần 36% so với năm 2010. Trong đó: vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý là 1.954,93 tỷ đồng, gồm: vốn ngân sách tỉnh 1.131,76 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện, xã 776,80 tỷ đồng.

\* Thông tin về nguồn vốn cho vay

Hiện tại, để tài trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phần lớn các DNNVV đều trông chờ vào nguồn vốn vay từ các ngân hàng trên địa bàn.

Vấn đề nhiều DNNVV quan tâm và tìm hiểu nhất đối với nguồn vốn vay của ngân hàng là chi phí của khoản vốn này.

Đối với các nguồn vốn do các Công ty tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm trong và ngoài nước, nguồn vốn này cũng tương đối nhiều kể từ khi thị trường chứng khoán đi vào hoạt động nhưng thường tập trung tại TP HCM và Hà Nội. Do đó, các thông tin về vốn từ các nguồn này không được quan tâm nhiều và cũng không có bộ phận nào quan tâm đến việc cung cấp thông tin về tiêu chí lựa chọn bỏ vốn của các quỹ đầu tư.

### **2.3.2. Hỗ trợ đáp ứng các thủ tục pháp lý để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn**

Theo quy định của mọi ngân hàng, một khách hàng doanh nghiệp muốn vay vốn trước hết phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về pháp lý cần thiết. Để hoàn thiện các thủ tục pháp lý, doanh nghiệp phải tìm đến các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

Nếu thủ tục hành chính được thực hiện nhanh, thông thoáng,

thì các DNNVV sẽ tiết giảm được đáng kể chi phí để có vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Khảo sát trên đánh giá của DNNVV về mức độ khó khăn trong các thủ tục hành chính cho thấy: có đến 96,9% DN cho rằng việc phải có đủ các loại giấy phép để vay vốn là khó khăn không cần thiết; 75,2 % Nhìn chung, thái độ của cộng đồng doanh nghiệp, trong đó đa số là DNNVV, không đánh giá cao thực trạng cải cách thủ tục hành chính của Bình Định.

### **2.3.3. Hỗ trợ cải thiện năng lực tài chính**

Qua khảo sát, tại Bình Định rất ít hoặc chưa có bất kỳ biện pháp hỗ trợ cụ thể nào từ các cơ quan quản lý nhà nước để cải thiện chất lượng quản trị điều hành cũng như cải thiện hoạt động quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp.

Về sự hỗ trợ từ các quỹ, mới chỉ có hoạt động của Quỹ bảo lãnh DNNVV (do Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định quản lý) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn ngân hàng, Quỹ phát triển khoa học công nghệ (trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định). Các quỹ này nhìn chung đã hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp một phần vốn cho DNNVV, tuy nhiên mức độ còn rất nhỏ bé so với nhu cầu của lực lượng DNNVV tại địa phương

### **2.3.4. Những thành công, hạn chế trong các giải pháp hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn trên địa bàn tỉnh Bình Định**

#### **\* Những thành công**

Thành công đáng kể nhất là thị trường cung ứng vốn tín dụng giữa các ngân hàng đã phát triển rất mạnh, qua đó các DNNVV được hưởng lợi khi tất cả các ngân hàng đều tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về thông tin, nguồn vốn, lãi suất cho đối tượng DNNVV trên địa phương.

#### **\* Những hạn chế**

- Các thủ tục hành chính tuy được chính quyền địa phương quan tâm cải cách nhưng kết quả đạt được còn rất khiêm tốn. Điều này tiếp tục cản trở DNNVV trong việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý nhằm đáp ứng điều kiện vay vốn của ngân hàng.

- Quy mô các quỹ còn quá nhỏ, thủ tục để DNNVV nhận được sự hỗ trợ còn rất khó khăn.

- Các giải pháp nhằm cải thiện khả năng lập kế hoạch, phương án kinh doanh có thể tạo được độ tin cậy cao vẫn chưa được các cấp, ngành quan tâm.

\* Nguyên nhân hạn chế

- Thái độ nhìn nhận vai trò và sự đóng góp của lực lượng DNNVV trong các cơ quan quản lý nhà nước còn rất mờ nhạt.

- Vẫn còn tồn tại tư tưởng doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh, do đó các ưu đãi vẫn dành phần nhiều hơn cho các DN thuộc khu vực nhà nước.

- Mặc dù Nhà nước có quan tâm và thành lập các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng mức độ quan tâm và đầu tư chưa tới nơi tới chốn, thiếu sự quan tâm và sâu sát.

- Việc cải thiện năng lực quản trị sản xuất, tài chính của doanh nghiệp ... còn chưa được chính bản thân các doanh nghiệp nhận thức để cải thiện.

### **CHƯƠNG 3 - ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN NGUỒN VỐN SẢN XUẤT KINH DOANH CHO DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

#### **3.1. CƠ SỞ TIỀN ĐỀ CHO VIỆC ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

##### **3.1.1. Dự báo tình hình phát triển DNNVV Bình Định**

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ năm 2006 đến năm 2020 đạt 14,8%;

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, cụ thể đến năm 2020 là: 43,0% - 16,0% - 41,0%;

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 750 triệu USD vào năm 2015 và 1,4 tỷ USD năm 2020;

- Dự báo các DNNVV sẽ tiếp duy trì mức độ tăng trưởng từ 15 - 20%.

##### **3.1.2. Chủ trương phát triển DNNVV của Đảng và Nhà nước**

- Số DNNVV thành lập mới giai đoạn 2011 - 2015 dự kiến đạt 350,000 doanh nghiệp;

- Kim ngạch xuất khẩu của khu vực DNNVV chiếm 25% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn quốc;

- Đầu tư của khu vực DNNVV chiếm 35% tổng vốn đầu tư toàn xã hội;

- Khu vực DNNVV đóng góp khoảng 40% GDP; 30% tổng thu ngân sách nhà nước;

- DNNVV tạo thêm khoảng 3,5 - 4 triệu việc làm mới trong giai đoạn 2011 - 2015.

##### **3.1.3. Phương hướng, chủ trương, mục tiêu phát triển DNNVV trên địa bàn Bình Định**

##### **3.1.4. Khả năng về nguồn vốn hỗ trợ cho DNNVV**

Cho vay theo chương trình SMEDF-EU2, cho vay theo

chương trình tín dụng, dự án tài chính nông thôn I, II

### **3.2. CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT**

#### **3.2.1. Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về nguồn vốn**

- Đối với việc tiếp cận thông tin về nguồn vốn ngân sách, các khoản vốn được tạm ứng, Chính quyền địa phương phải công bố thông tin, có chế tài với những tổ chức cá nhân cố ý những nhiều để trục lợi.

- Các nguồn vốn được tài trợ của các tổ chức nước ngoài như nguồn vốn JBIC, EIB, CBD..., cũng phải được công bố, phổ biến... đến các doanh nghiệp.

- Khó nhất hiện nay của DNNVV là thiếu thông tin về thủ tục, điều kiện vay vốn NH. Nhà nước thường xuyên mở các lớp đào tạo, tổ chức tập huấn, đổi thông tin... để DNNVV tiếp cận được vốn vay.

#### **3.2.2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ công chức trong bộ máy quản lý nhà nước.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức về những qui định của pháp luật liên quan đến DNNVV như WTO và toàn cầu hóa, luật doanh nghiệp, luật đầu tư, luật đất đai, luật xây dựng, luật sở hữu trí tuệ... nhằm có kiến thức nền tảng cơ bản trong việc tiếp xúc, giải quyết các khó khăn của DNNVV.

- Cải cách theo hướng tinh giản các thủ tục cần thiết trong việc xử lý các hồ sơ pháp lý của DN

- Các thủ tục về thành lập DN, các giấy tờ về sở hữu, thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền trên đất... cần giải quyết nhanh gọn.

- Chi nhánh NHNN tỉnh Bình Định cần phát huy vai trò kiểm tra kiểm soát và có chế tài nghiêm khắc trong quản lý hoạt động của

các NH trên địa bàn.

### **3.2.3. Đa dạng hóa nguồn vốn**

- Ngoài kênh vay vốn từ ngân hàng và các quỹ của Chính quyền, cần phát triển rộng rãi hơn hình thức huy động vốn từ cổ phần hóa nhằm giúp doanh nghiệp huy động được nguồn vốn giá rẻ và kỳ hạn dài.

- Các quỹ đầu tư mạo hiểm: tuy Bình Định có bất lợi là ở xa địa bàn trú đóng của các quỹ này, tuy nhiên nếu biết tận dụng các thế mạnh riêng biệt về đặc điểm hoạt động của mình, các DNNVV tại Bình Định vẫn có cơ hội được các quỹ này để mắt đến.

- Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và triển khai hình thành Quỹ phát triển DNNVV.

### **3.2.4. Nâng cao năng lực quản trị của chủ DN**

- Các trung tâm đào tạo khảo sát và lên các chương trình đào tạo đáp ứng đúng mong muốn của DN. Kinh phí của các khóa học này có thể lấy từ Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học hoặc Quỹ hỗ trợ DNNVV.

- Đẩy mạnh việc thực thi Quyết định số 1690/QĐ-CTUBND ngày 10/08/2012 tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015.

### **3.2.5. Phát huy vai trò bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)**

- Hoàn thiện các cơ chế xử lý các khoản bảo lãnh cho DNNVV gặp các khó khăn do khách quan như thiên tai, lũ lụt, mưa bão..., tạo dựng niềm tin vào hiệu lực của Thư bảo lãnh do VDB cung cấp.

- Về phía DN, cần quán triệt việc phải trả thêm khoản phí

0,05%/số tiền được bảo lãnh là chi phí thông thường khi một dịch vụ hiệu quả như thế được cung cấp và chi phí bảo lãnh này là rất thấp.

### **3.2.6. Các nhóm giải pháp khác**

- Nếu đứng riêng lẻ mỗi doanh nghiệp, các DNNVV đều yếu và rơi vào tình trạng thiếu vốn, do đó các DNNVV có thể liên kết với một doanh nghiệp lớn, nhằm tận dụng nguồn vốn ứng trước của doanh nghiệp này (trong mọi hợp đồng kinh tế đều có thể có điều khoản đặt cọc hoặc ứng trước để thực hiện hợp đồng), khoản vốn ứng ứng trước nhỏ của một doanh nghiệp lớn có thể là cứu cánh cực kỳ hữu dụng đối với doanh nghiệp nhỏ.

- Các giải pháp về hỗ trợ xúc tiến thương mại, tìm hiểu thị trường, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng, liên kết DN giữa các tỉnh trong khu vực,...

- Miễn giảm thuế cần thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và có sự thưởng/phạt kịp thời các DNNVV chấp hành đúng/sai quy định.

## **3.3. CÁC KIẾN NGHỊ**

### **3.3.1. Kiến nghị với bản thân các doanh nghiệp**

- Các DNNVV cần đầu tư nhiều hơn nữa cho bộ phận kế hoạch, tài chính kế toán. Nếu bộ máy này tốt, một mặt doanh nghiệp sẽ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, mặt khác việc cung cấp đầy đủ các số liệu, báo cáo tồn kho, công nợ,..., của doanh nghiệp kịp thời; phương án kinh doanh được lập chặt chẽ, bài bản sẽ “nâng điểm” trong mắt các tổ chức cho vay vốn.

- Trong thời gian tới, các DNNVV Bình Định vẫn sẽ phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn ngân hàng. Do đó, bản thân từng chủ doanh nghiệp phải coi trọng việc trả nợ và quá trình trả nợ là quá trình tạo ra hiệu quả - đó là lấy chiến thuật làm chiến lược và lấy

chiến lược để nuôi chiến thuật.

- Ngay cả khi chưa tiếp cận được vốn vay, các DNNVV vẫn cần coi trọng việc quản lý dòng tiền mặt trong kinh doanh, điều này sẽ giúp doanh nghiệp luôn khơi thông được nguồn vốn.

### **3.3.2. Kiến nghị với các hiệp hội doanh nghiệp**

- Các Hiệp hội cần chứng tỏ vai trò tập hợp, đoàn kết mạnh mẽ để có tiếng nói trong việc đề xuất các gói, giải pháp tín dụng ưu đãi cho DNNVV.

- Cần huy động và thành lập các quỹ trực thuộc hiệp hội nhằm hỗ trợ cho các thành viên.

### **3.3.3. Kiến nghị đối với lãnh đạo tỉnh Bình Định**

- Một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan ban ngành tỉnh là góp phần tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững lành mạnh. Lãnh đạo tỉnh cần quán triệt đầy đủ và rõ ràng hơn nữa: lực lượng DNNVV chính là thành phần quan trọng và có nhiều đóng góp nhất cho phát triển KTXH tỉnh. Do đó, các DNNVV phải được đối xử bình đẳng như mọi loại hình doanh nghiệp khác.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính vì đây luôn là nhu của mọi loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- Tổ chức một cơ quan thuộc UBND tỉnh làm đầu mối chịu trách nhiệm về phát triển DNNVV.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ quan đơn vị nghiên cứu khoa học, công nghệ liên kết chuyên giao cho các DNNVV.

- Việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn cần tập trung ưu tiên cho các DNNVV vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, ...;

- Hoàn thiện các hệ thống pháp lý, tăng cường cung ứng các



dịch vụ pháp lý cho các DNNVV.

- Hoàn thiện chính sách đất đai, hỗ trợ các DN có mặt bằng sản xuất và có giấy chứng nhận.

- Tỉnh và các Ban ngành trong tỉnh nên tổ chức các cuộc gặp mặt thường xuyên với các doanh nghiệp trong đó có DNNVV để lắng nghe tâm tư nguyện vọng và giải quyết những vướng mắc về chính sách tín dụng, thuế, thủ tục hành chính khác....

## KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế cả nước nói chung, các DNVVN tỉnh Bình Định đã không ngừng lớn mạnh và trở thành một thành phần kinh tế quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định. DNNVV là đối tượng doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho nền kinh tế và cần ưu tiên phát triển trong thời gian tới. Khó khăn lớn nhất của đối tượng doanh nghiệp này chính là vốn, vốn và vốn. Để hỗ trợ DNNVV tại Bình Định, biện pháp của các cơ quan quản lý địa phương không hoàn toàn thuần túy là cầm vốn đặt vào tay doanh nghiệp, mà cần tạo con đường thông thoáng, rộng rãi, không “ô gà”, khúc cua nguy hiểm để DNNVV tìm đến đúng địa chỉ cấp vốn cần thiết. Có như vậy, DNNVV mới tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo của mình trong việc ổn định kinh tế xã hội, góp phần đáng kể vào sự phát triển của Bình Định nói riêng và cả nước nói chung.

Bằng những kiến thức đã học, đã tìm tòi, nghiên cứu và sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo - TS. Đào Hữu Hòa, tôi đã hoàn thành luận văn với đề tài: “Giải pháp hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho DNNVV trên địa bàn tỉnh Bình Định”. Luận văn đã hệ thống những vấn đề lý luận chung về tăng cường khả năng tiếp cận vốn của DNNVV, phân tích thực trạng khả năng tiếp cận vốn của DNVVN ở tỉnh Bình Định trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp, kiến nghị để trợ giúp các DNNVV của tỉnh về việc tiếp cận vốn. Tuy nhiên, do thời gian có hạn cũng như năng lực còn hạn chế nên luận văn này chắc chắn không tránh khỏi một số thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô, cũng như toàn thể các bạn để luận văn sau này được hoàn thiện.